



**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHẪU THUẬT ĐỐT RUNG NHĨ (MAZE)
BẰNG NĂNG LƯỢNG SÓNG CÓ TẦN SỐ RADIO
TẠI BỆNH VIỆN BẠCH MAI**

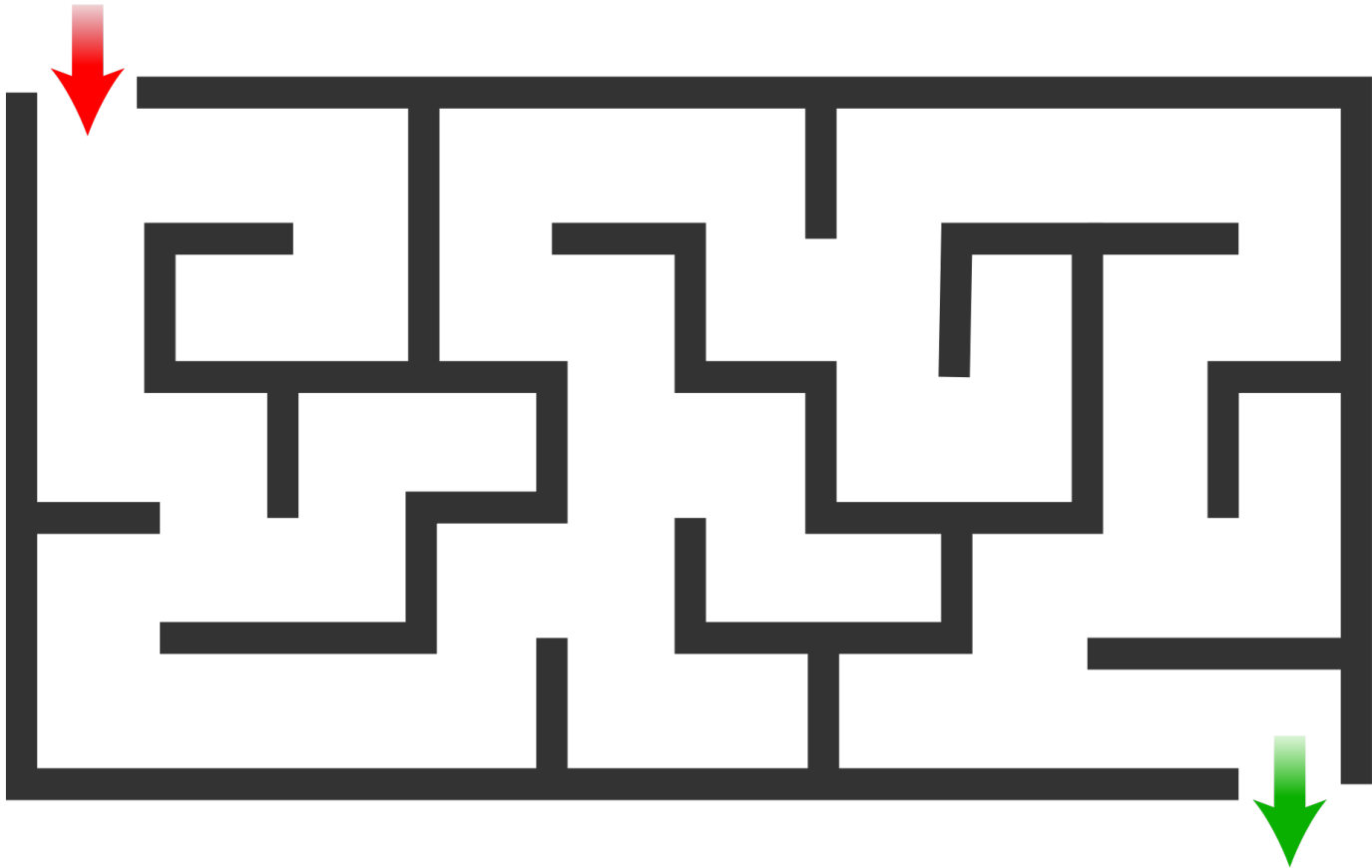
Ths. Lê Việt Thắng

TỔNG QUAN

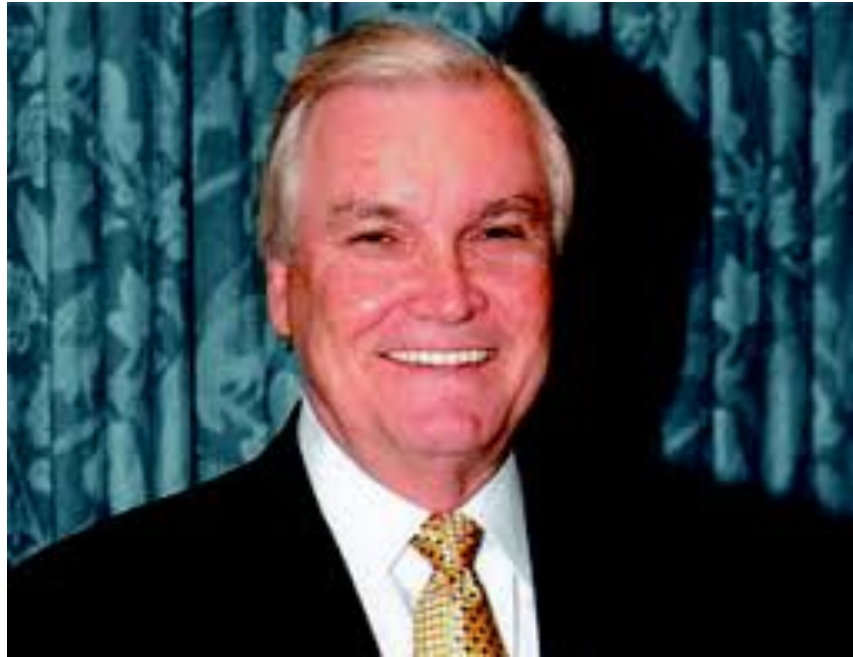
- Rung nhĩ là rối loạn nhịp hay gặp nhất, gây ra nhiều biến chứng.
- Rung nhĩ có thể là nguyên nhân gây ra khoảng 5% các trường hợp đột quỵ mỗi năm.
- Bệnh nhân suy tim có kèm theo rung nhĩ tỷ lệ tử vong lên đến 34%.

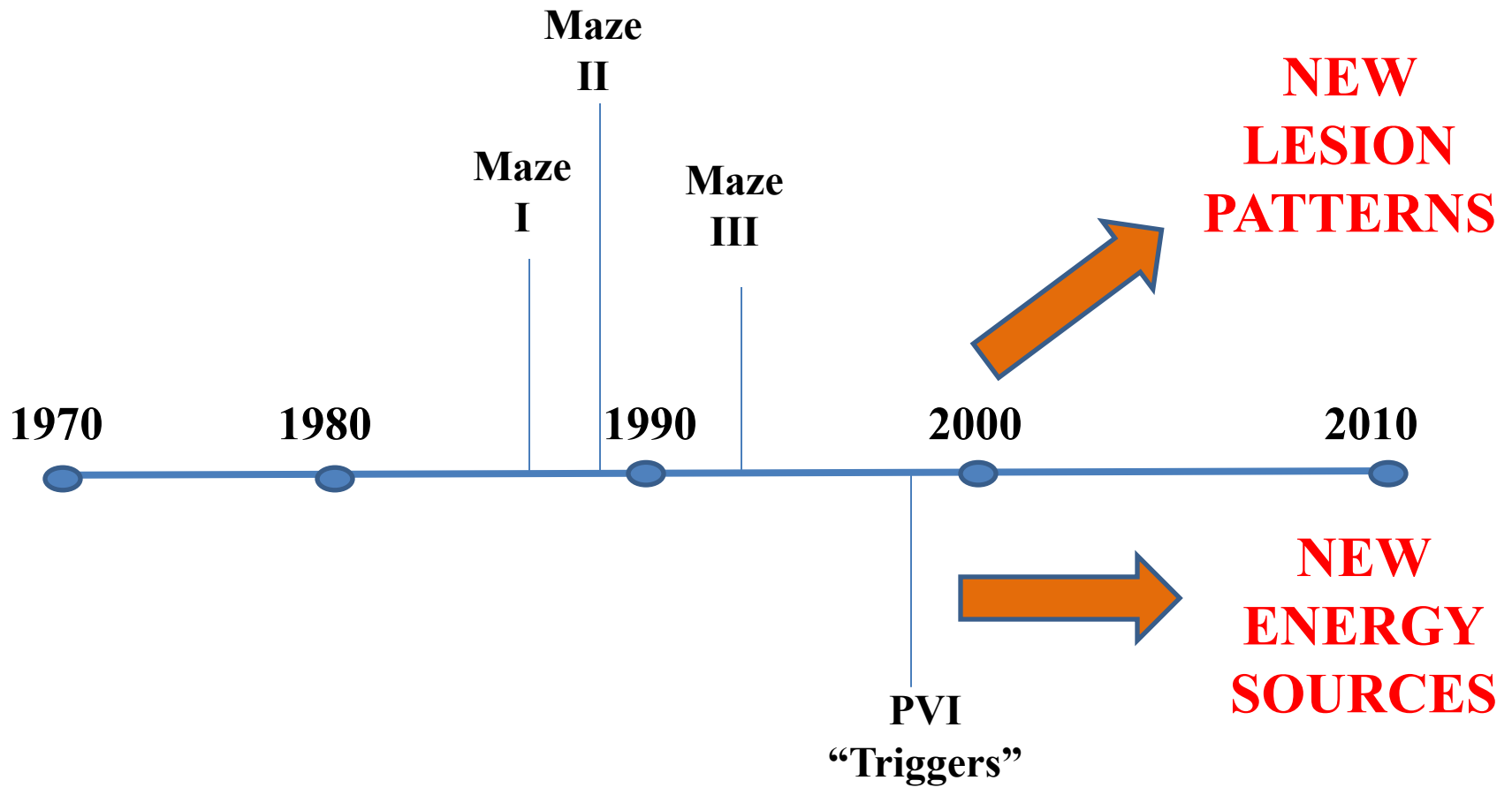
- Phẫu thuật Maze lần đầu tiên được Jame Cox mô tả vào năm 1987
- Lần đầu được thực hiện tại Bệnh viện Bạch Mai 10/2017

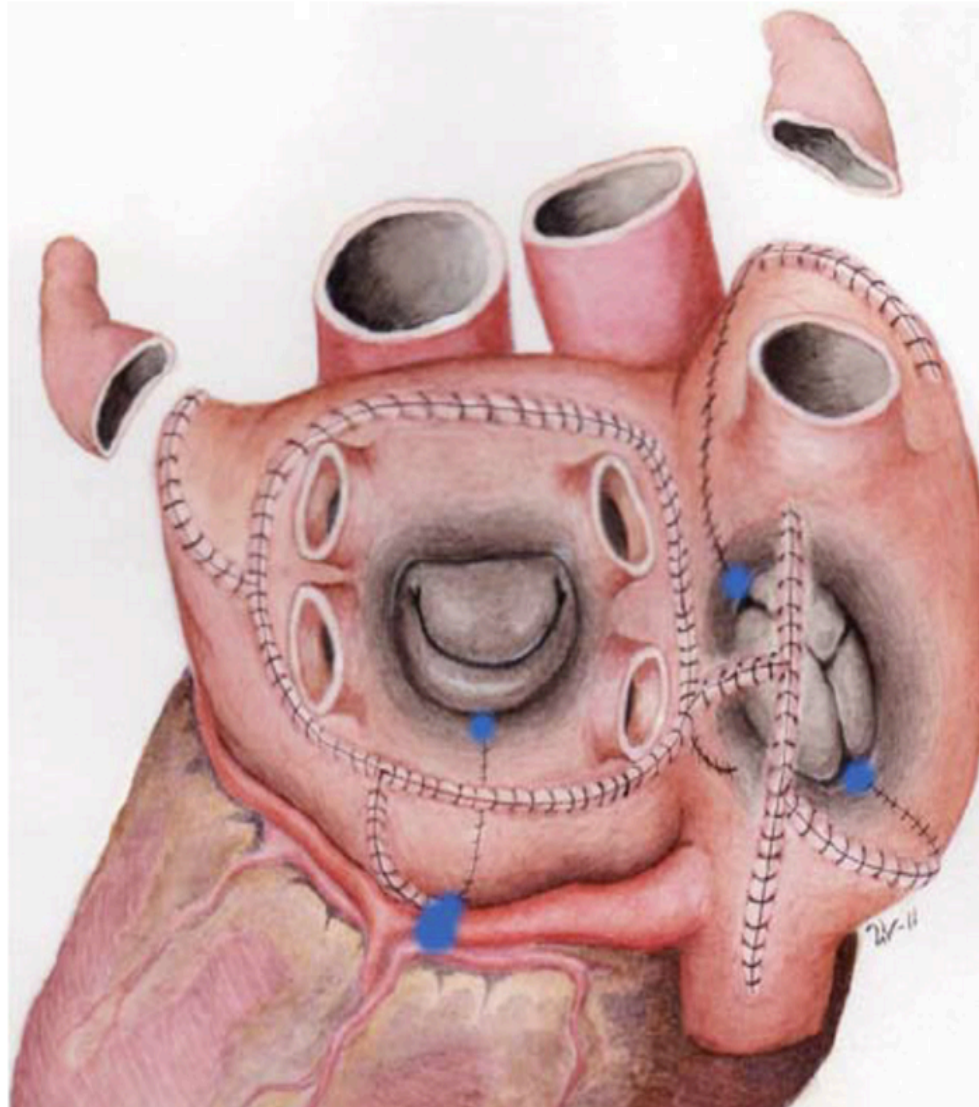
MAZE



JAME COX







NEW ENERGY

- Cut and sew technique

Post-1998 Energy sources

- Radiofrequency
- Microwave
- CryoSurgery
- Laser

CHỈ ĐỊNH

- Bệnh nhân rung nhĩ, có triệu chứng lâm sàng kết hợp với bệnh lý tim mạch cần phẫu thuật: van tim, mạch vành, tim bẩm sinh
- NYHA < IV
- EF > 30%
- Nhĩ trái < 70 mm (tốt nhất < 55 mm)
- Phẫu thuật tim lần đầu
- Thành nhĩ trái không vôi hoá

Medtronic Irrigated RF Devices

Cardioblate 68000 Generator



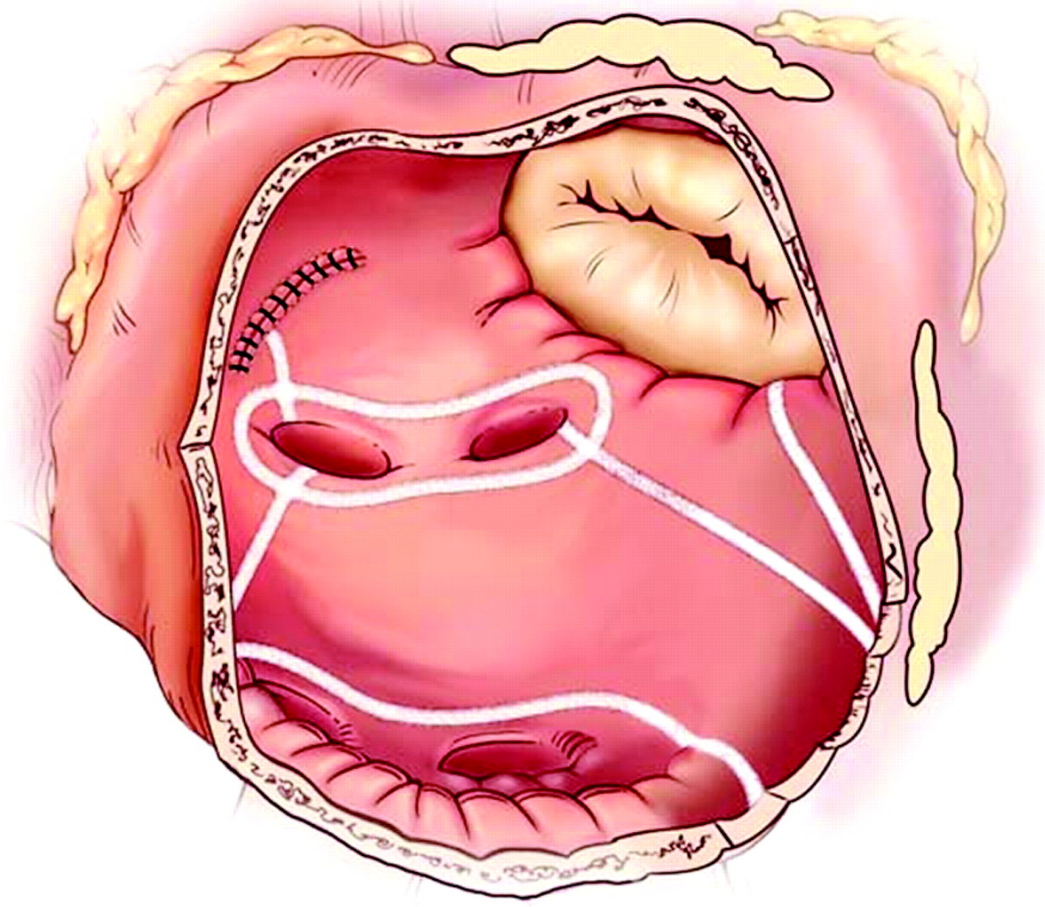
Uni-polar Pen



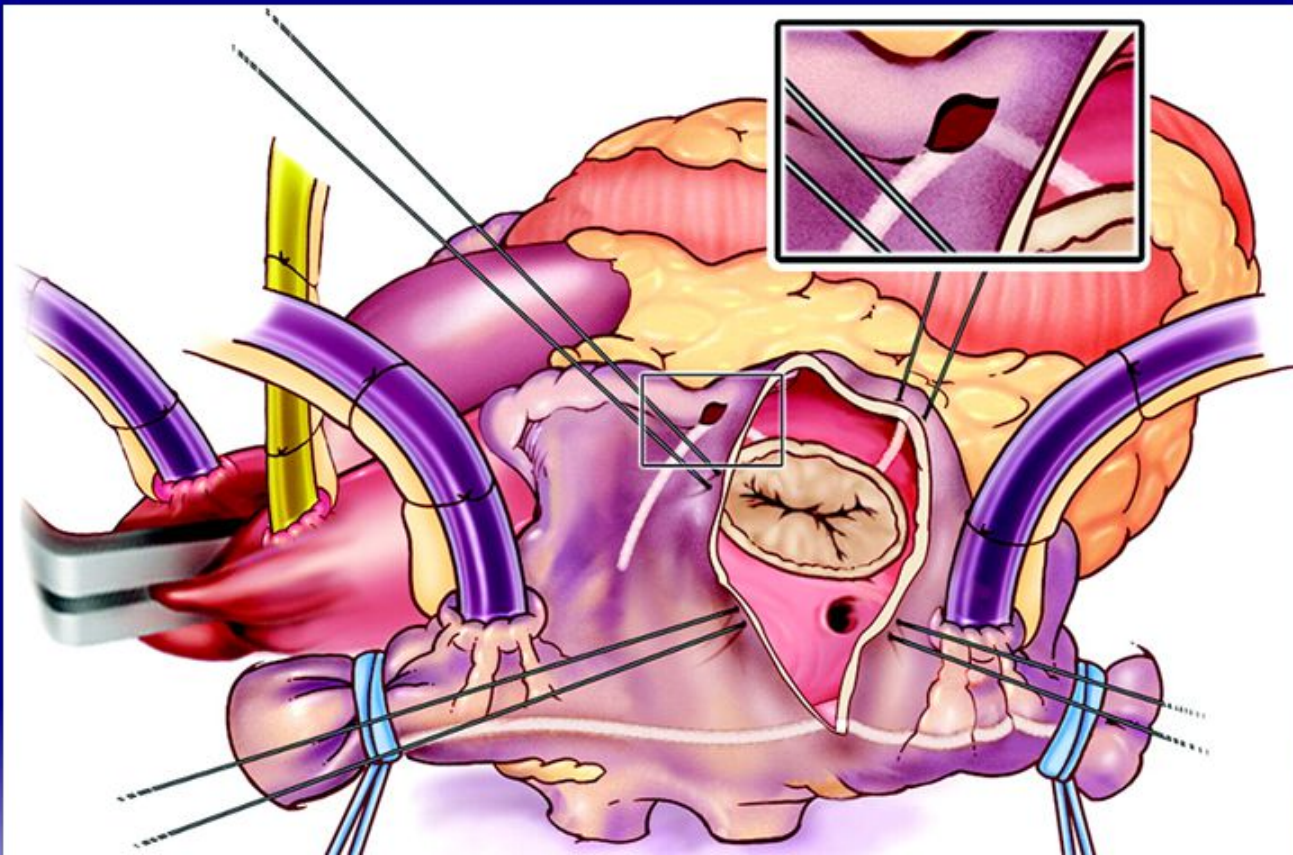
Bipolar: BP2 or LP

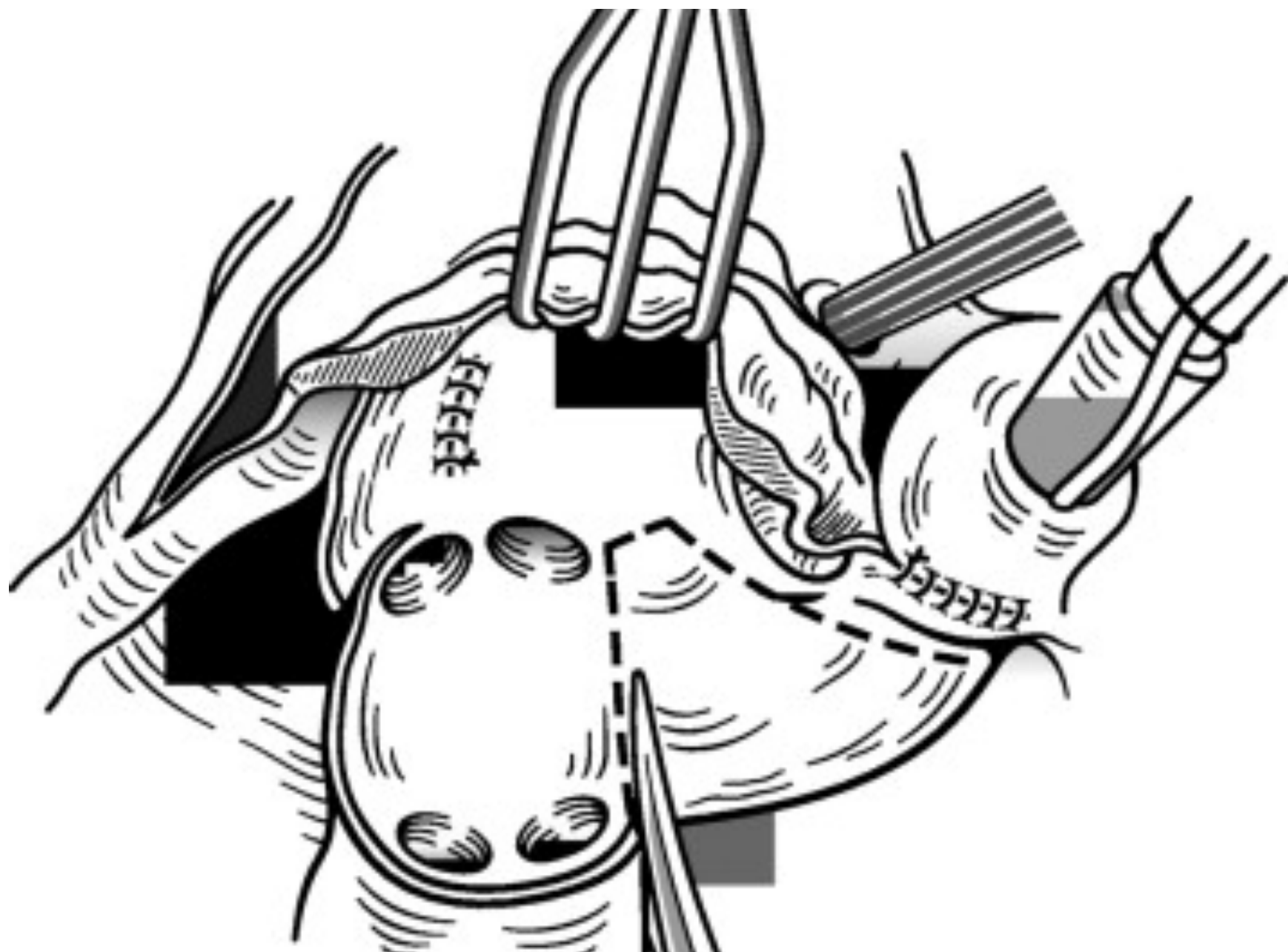


SƠ ĐỒ ĐỐT NHĨ TRÁI



Sơ đồ đốt nhĩ phải





ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG

<i>Variable</i>	<i>N (%)</i>
Total	216
Age	53,7 ± 9,2
Male/female	59 (27,4)/ 157 (72,6)
Rung nhĩ mãn tính	208 (96.3%)
Rung nhĩ cơn	8
<i>Risk factors</i>	
Tăng Huyết áp	28 (12,96%)
Đái tháo đường	17 (7.8%)
Suy Thận	3 (1,38%)
TBMN	19 (8,8%)

THUỐC SỬ DỤNG TRƯỚC MỒ

Variable	N (%)
Digoxin	145 (67.1)
Beta blocker	20 (9,25)
Amiodarone	5 (2.31)
Phối hợp thuốc	35 (16,2)
Anticoagulant	190 (87,9)

PHẪU THUẬT

	N (%)
Thay van hai lá	48 (22,2)
Thay van hai lá kèm sửa VBL	120 (53,1)
Sửa van hai lá	17 (8,2)
Thay 2 van	19 (9,2)
Thay van hai lá kèm CABG	10 (4,6)
Tim bẩm sinh	2 (2,0)

Kỹ thuật

	N (%)
UNIPOLAR	181 (83.8)
BIPOLAR	5 (2.3)
UNI + BIPOLAR	30 (13.9)

CPB time

	<i>Min</i>	<i>Max</i>	<i>Medium</i>
Aortic cross-clamp time	38	110	$63,6 \pm 12,22$
CPB time	66	168	$94.56 \pm 17,69$
T maze	8	17	$12,7 \pm 3,8$

CPB time

	Time cặp chủ	Time CEC
Thay van hai lá	57,8± 8,13	88,7± 12,46
Thay 2 van	84,0± 24,14	119,8± 38,2
Thay van hai lá kèm CABG	88,5± 10,1	116± 12,5

Thu nhỏ nhĩ trái

- Kích thước nhĩ trái: 56,3 $\rightarrow$ 43,7 (mm)
- Group LA > 55mm: được phẫu thuật thu nhỏ nhĩ: mean 58,8 $\rightarrow$ 44,1 (mm)
- Group LA < 55mm: mean 51,1 $\rightarrow$ 40,5 (mm)

THE EARLY RESULT POSTOPERATIVE

RESULT	N
Tử vong	8 (3,7)
Thời gian thở máy (12-24h)	151 (70,7)
Số ngày nằm HSTC (days)	2,2 $\pm$ 2,86
Ngày nằm viện (days)	12,16 $\pm$ 6,6

	Nhịp xoang	Rung nhĩ	Nhịp thất	RL nhịp khác
Trong mổ	48,4	5,1	40	6,5
Ngày 1	60,2	13,3	21,3	2,2
Ngày 7	79,1	16,5	3,1	1,1
Ra viện	81,6	16,2	-	2,2
1 tháng	82,4	15,1	-	2,5
3 tháng	81,8	18,2	-	-
6 tháng	79,6	20,4	-	-
12 tháng	80,9	19,1	-	-

Tỷ lệ nhịp xoang theo kích thước nhĩ trái

	Ra viện	1	3	6	12
Dưới 55 mm	91,8	92,7	87,7	85,6	85,4
Từ 55-60 mm	80,0	79,2	77,6	78,1	79,7
Trên 60 mm	72,3	71,4	70,5	63,7	60

BIẾN CHỨNG SAU MỔ

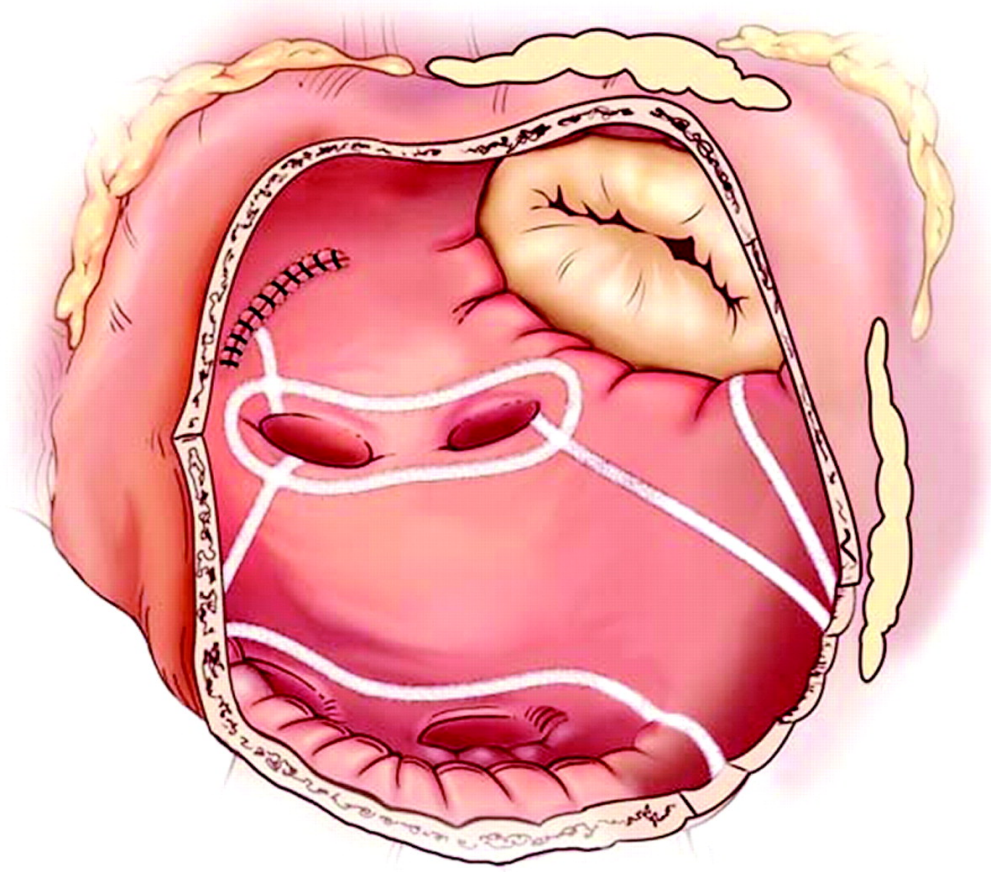
COMPLICATION	N (%)
Hội chứng giảm cung lượng tim	17 (7,87)
Nhiễm trùng	10 (4,62)
TBMN	6 (2,78)
Suy thận cần lọc máu	10 (4,62)
Vỡ thất	1
Nhịp chậm	8 (3,7)
Máy tạo nhịp vĩnh viễn	0

HỘI CHỨNG GIẢM CUNG LƯỢNG TIM SAU MỔ

Bảo vệ cơ tim

***Tắc mạch
vành do khí***

***Tổn thương
mạch vành***



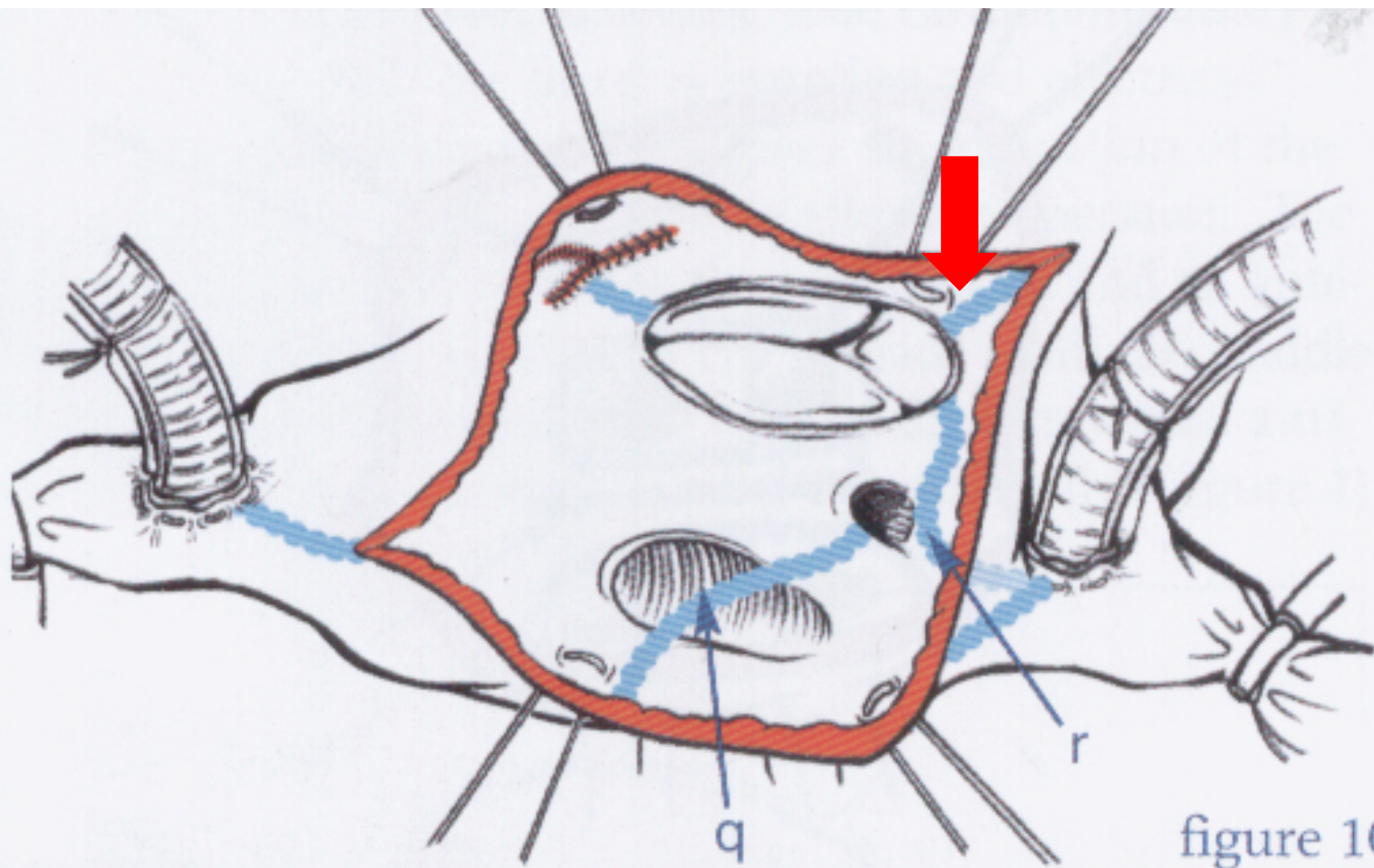
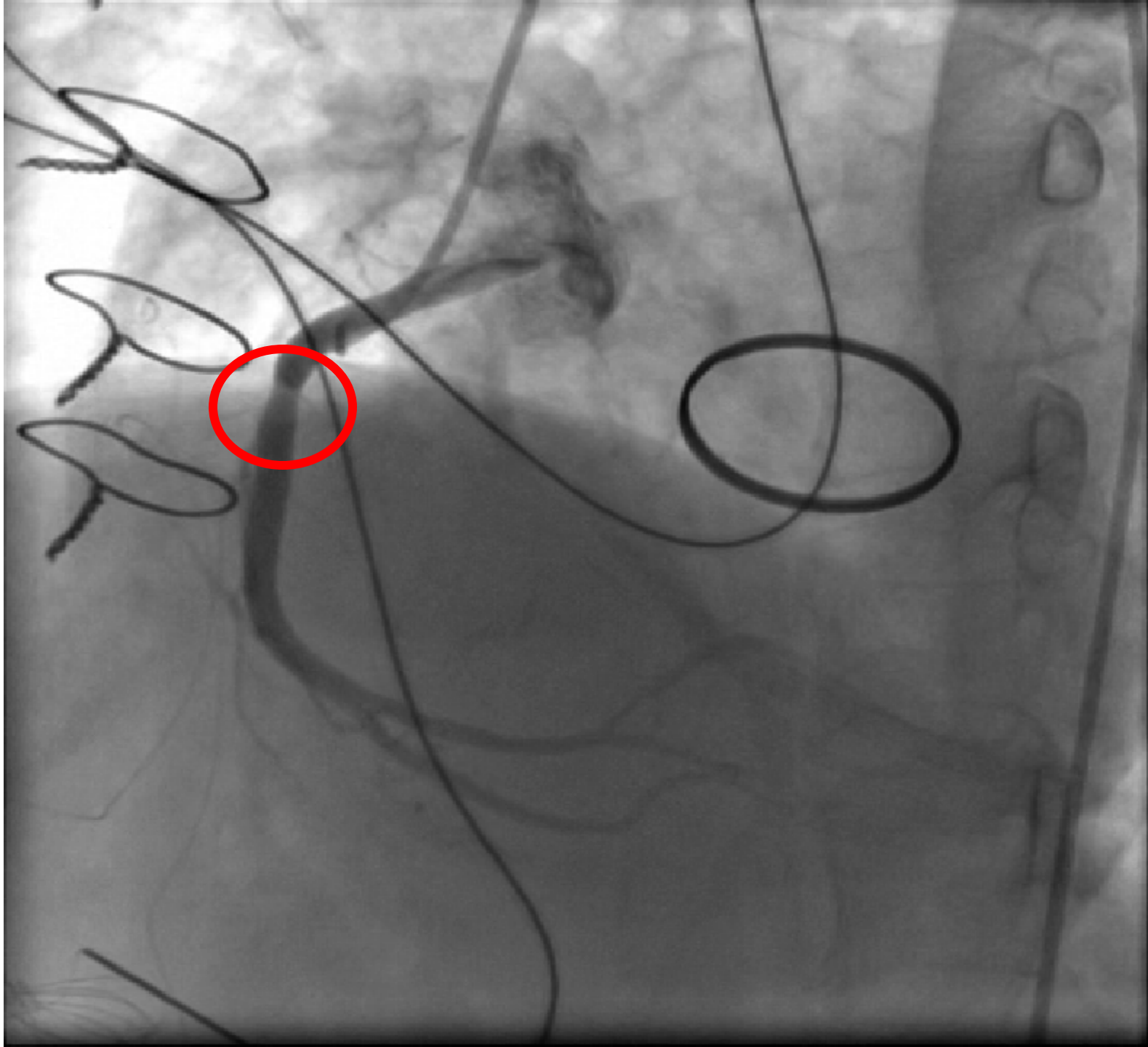


figure 10



The picture can't be displayed.



XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN



Tập thể đơn vị Phẫu thuật tim mạch



Tiến bệnh nhân Nhật Bản sau mổ tim ra viện



Siêu âm tim tại giường cho bệnh nhân ngay sau mổ tim



Phẫu thuật tim



chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật tim hở